

UNIT 4:**ETHNIC GROUPS OF VIETNAM****SKILLS 2+ LOOKING BACK****I/ NEW WORDS:****SKILLS 2**

1. weave clothing
2. go up
3. go down
4. stay the same
5. gather
6. pass on
7. legend

LOOKING BACK

1. odd number
2. worship
3. remote area

SKILLS 2

- (v) : dệt vải
- (v): đi lên
- (v): đi xuống
- (v): giữ bình thường
- (v): tụ họp
- (v): truyền lại, để lại
- (n): truyền thuyết

LOOKING BACK

- (n) : số lẻ
- (n-v): nghi lễ (thờ cúng)
- (n): vùng xa xôi